

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN
HỆ CAO ĐẲNG LIÊN THÔNG VLVH NĂM 2017**

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
NGÀNH: ĐIỀU DƯỠNG									
1	271	Vương Tú Anh	24/08/81	2		6.3	8.5	15.3	
2	293	Hà Đức Anh	18/04/95	2NT		5.9	6.7	13.6	
3	170	Nguyễn Thị Phương Anh	21/04/92	2		6.2	6.8	13.5	
4	326	Nguyễn Văn Bằng	07/06/94	2NT		6.5	7.8	15.3	
5	180	Trịnh Thị Biên	28/08/90	2NT		6.0	6.8	13.8	
6	269	Lê Thị Bình	02/02/88	2NT		6.9	8.0	15.9	
7	263	Phan Thị Xuân Cúc	24/03/75	2NT		6.1	8.3	15.4	
8	172	Nguyễn Trọng Cường	01/07/89	2NT	7	5.5	6.2	13.7	
9	279	Dương Thị Nhiều Đan	02/02/86	3		7.3	7.0	14.3	
10	278	Nguyễn Thị Diễm	15/02/84	1		6.0	7.5	15.0	
11	289	Nguyễn Thanh Dũng	1978	2NT		6.8	6.3	14.1	
12	268	Trần Thị Duyên	04/04/91	2		5.6	8.5	14.6	
13	177	Vũ Thị Thu Hà	29/11/83	2		7.3	8.5	16.3	
14	168	Nguyễn Thị Mỹ Hà	05/12/85	2NT		7.0	6.2	14.2	
15	157	Nguyễn Thị Hà	20/06/85	2NT		5.6	7.5	14.1	
16	185	Vương Ngọc Hân	24/10/95	2		5.2	8.8	14.5	
17	179	Nguyễn Thị Mai Hằng	22/09/84	2NT		6.7	7.0	14.7	
18	267	Nguyễn Phạm Tuyết Hằng	07/06/86	2		6.0	6.2	12.7	
19	270	Nguyễn Thị Hạnh	05/10/87	2NT		7.1	8.2	16.3	
20	265	Bành Thị Hiền	05/11/82	2NT		7.3	8.0	16.3	
21	273	Nguyễn Thị Thu Hiền	25/10/83	2NT		6.9	8.0	15.9	
22	173	Nguyễn Thị Thanh Hiền	11/11/84	2NT	7	5.1	8.5	15.6	
23	161	Đỗ Thị Thu Hiền	02/10/89	1		4.9	8.2	14.6	
24	184	Hoàng Thị Ngọc Hiền	22/01/90	1		5.6	7.0	14.1	
25	150	Nguyễn Thị Hoa	04/03/87	2NT		6.2	8.3	15.5	
26	264	Trịnh Thị Hoan	16/05/87	2		6.1	6.1	12.7	
27	277	Lê Thị Huế	09/02/88	2NT		7.5	7.0	15.5	
28	154	Lê Thị Huệ	18/01/92	1		5.5	6.3	13.3	
29	174	Từ Thị Hương	31/07/92	2NT		5.9	7.5	14.4	
30	282	Phạm Thị Huyền	16/07/89	2NT		6.4	8.8	16.2	
31	292	Lê Thanh Trúc Linh	1994	2		5.3	6.3	12.1	

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
32	287	Bùi Thị Loan	16/02/91	1	6	6.8	6.8	16.1	
33	291	Đỗ Thị Kim Loan	12/08/87	2		6.6	8.2	15.3	
34	274	Nguyễn Thị Luyến	24/03/87	2NT		6.5	9.2	16.7	
35	280	Trần Thị Ngọc Luyến	19/07/85	2NT		6.6	8.0	15.6	
36	163	Lê Thị Ngọc Mai	10/10/86	2NT		7.0	6.2	14.2	
37	167	Trương Thị Hoa Mơ	25/08/91	2NT		6.2	7.4	14.6	
38	324	Vũ Thị Thanh Nga	03/07/84	2NT		6.6	7.7	15.3	
39	281	Trần Thị Nga	02/06/88	2		6.0	7.3	13.8	
40	151	Phạm Đình Nga	12/12/84	2NT		4.8	7.4	13.2	
41	323	Vũ Thị Ngo	08/04/90	2NT		6.2	9.0	16.2	
42	178	Trần Thị Bích Ngọc	27/11/86	2		6.1	7.4	14.0	
43	283	Trần Kim Ngung	02/02/81	2		5.5	6.0	12.0	
44	288	Nguyễn Thị Nguyệt	04/06/85	2NT		7.3	7.0	15.3	
45	158	Lê Thị Ngọc Nhon	19/09/85	1		5.9	7.3	14.7	
46	171	Nguyễn Thị Cẩm Nhung	12/07/89	2NT		6.1	8.8	15.9	
47	294	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	12/04/88	2		6.3	9.0	15.8	
48	272	Nguyễn Thị Kim Oanh	14/11/85	2NT		6.3	7.0	14.3	
49	262	Trương Văn Quang	29/01/72	2NT		5.0	6.3	12.3	
50	183	Nguyễn Thị Kim Quyên	19/02/87	1		5.9	8.6	16.0	
51	176	Nguyễn Thị Quyên	25/05/93	2NT		6.4	8.0	15.4	
52	182	Nguyễn Thị Thảo Quyên	20/03/84	2NT		6.5	7.8	15.3	
53	160	Thạch Thị So Va Rây	07/10/94	2NT		7.9	6.5	15.4	
54	181	Nguyễn Đào Minh Tâm	15/09/90	2NT		5.3	7.2	13.5	
55	284	Nguyễn Hồng Thắm	20/05/87	2NT		5.7	6.0	12.7	
56	266	Nguyễn Thị Xuân Thơm	20/09/92	1		5.9	6.8	14.2	
57	175	Tổng Văn Thu	30/10/84	2NT		5.4	7.6	14.0	
58	325	Huỳnh Ngọc Thư	29/11/93	2NT		6.1	7.0	14.1	
59	286	Trần Thị Thủy	15/02/84	2NT		6.4	8.3	15.7	
60	155	Hoàng Thị Thủy	11/03/94	2NT		6.3	7.0	14.3	
61	166	Nguyễn Thị Thanh Thủy	27/11/79	2NT		5.4	6.0	12.4	
62	275	Nguyễn Thị Ngọc Trâm	22/07/90	1		4.7	7.2	13.4	
63	159	Phạm Thị Trang	11/09/89	1		5.5	8.2	15.2	
64	162	Đỗ Thị Mai Trinh	08/06/89	2NT		6.9	6.3	14.2	
65	169	Lê Thị Cẩm Tú	28/02/87	2NT		6.6	6.8	14.4	
66	164	Nguyễn Văn Tú	20/11/91	2NT		5.0	7.0	13.0	
67	165	Trần Ngọc Thủy Tuyền	27/06/91	2		7.0	6.7	14.2	
68	276	Nguyễn Thanh Tuyền	29/01/88	1		6.1	7.3	14.9	
69	148	Võ Thị Mộng Tuyền	18/10/88	2NT		5.7	5.7	12.4	

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
70	156	Thái Thị Tuyết	26/10/91	1		6.3	8.6	16.4	
71	153	Nguyễn Thị Tuyết	24/10/89	2NT		5.5	8.0	14.5	
72	152	Nguyễn Tổ Uyên	23/10/85	2NT		6.4	5.7	13.1	
73	322	Châu Thị Cẩm Vân	02/07/87	3		6.5	7.5	14.0	
74	149	Dương Ngọc Xuân	14/01/80	2		7.0	6.7	14.2	
75	285	Trần Thị Ngọc Yến	08/06/82	1		5.2	7.8	14.5	
76	290	Trương Thị Hoàng Yến	28/12/89	2		5.8	6.0	12.3	
NGÀNH: HỘ SINH									
1	200	Đỗ Thúy An	26/10/86	2NT		7.4	7.9	16.3	
2	192	Võ Thị Bông	01/02/93	1		5.6	8.3	15.4	
3	211	Đặng Ngọc Diễm	13/07/81	2		5.6	9.0	15.1	
4	210	Phạm Thúy Diễm	24/08/82	2NT		6.5	6.6	14.1	
5	240	Bùi Thị Ngọc Diễm	23/03/80	2NT		5.2	6.5	12.7	
6	195	Nguyễn Thị Diệu	15/05/82	2NT		6.6	6.0	13.6	
7	197	Nguyễn Phú Thiên Dung	15/08/81	1		6.5	9.0	17.0	
8	198	Phan Thị Mỹ Dung	10/12/84	2NT		5.9	6.8	13.7	
9	257	Nguyễn Thị Dung	09/09/88	2NT		6.4	6.2	13.6	
10	242	Phạm Thị Giang	12/10/80	2NT	7	6.0	6.6	14.6	
11	235	Nguyễn Thị Thu Hà	02/08/84	2		6.1	5.6	12.2	
12	209	Phạm Thị Mỹ Hạnh	12/08/90	1		5.9	6.1	13.5	
13	255	Võ Hồng Hạnh	11/09/88	2NT		5.7	6.2	12.9	
14	261	Trần Thị Hiên	08/08/78	2NT		5.7	6.0	12.7	
15	201	Phan Hương Hiếu	16/01/82	1		5.6	7.8	14.9	
16	236	Nguyễn Thị Hòi	13/10/89	1		6.6	6.3	14.4	
17	258	Nguyễn Thị Hồng	10/06/84	2		6.9	6.8	14.2	
18	328	Cao Thị Thanh Hương	03/08/81	1		6.8	8.3	16.6	
19	188	Vũ Thị Hương	27/11/87	2NT		7.0	8.1	16.1	
20	205	Hồ Thị Hương	12/11/84	2NT		7.6	7.0	15.6	
21	251	Hoàng Thị Hương	06/09/83	2NT		6.2	6.5	13.7	
22	186	Nguyễn Thị Hương	22/01/87	2		5.0	6.2	11.7	
23	199	Trần Phương Lan	03/12/84	2		6.4	7.2	14.1	
24	249	Bùi Thị Mỹ Lệ	1983	2		5.9	7.8	14.2	
25	208	Nguyễn Thị Kim Liên	01/12/72	1		5.6	8.6	15.7	
26	238	Trần Thị Liên	18/05/80	1		6.1	7.0	14.6	
27	244	Nguyễn Thị Kim Loan	13/02/88	2NT		7.2	7.0	15.2	
28	187	Trần Thị Diễm My	30/08/91	2NT		6.0	7.3	14.3	
29	330	Nguyễn Thị Nga	16/04/83	1		6.0	7.5	15.0	
30	191	Nguyễn Thị Diệu Nga	23/09/80	2NT		5.4	7.0	13.4	

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
31	237	Nguyễn Thị Thanh Nga	1973	2		6.1	5.3	11.9	
32	193	Nguyễn Thị Hồng Ngân	1982	2NT		7.1	7.3	15.4	
33	259	Bồ Hồng Nghĩa	20/12/91	2NT		5.5	6.3	12.8	
34	247	Trần Thanh Ngọc	02/03/85	2		5.7	5.8	12.0	
35	194	Trần Thị Nhuận	17/09/79	2NT		6.2	6.5	13.7	
36	253	Nguyễn Thị Duyên Phi	10/09/83	2		6.0	7.6	14.1	
37	329	Nguyễn Thị Ngọc Phụng	16/08/93	2		5.3	8.2	14.0	
38	212	Trần Thị Phương	08/11/86	2NT		6.8	8.9	16.7	
39	202	Đặng Thị Phụng	27/02/85	1		5.1	7.2	13.8	
40	252	Trần Thị Ngọc Quý	08/02/83	2		6.6	7.7	14.8	
41	245	Nguyễn Thị Hương Sen	01/01/78	2NT		7.6	8.0	16.6	
42	243	Huỳnh Thị Thanh	31/05/74	2	7	6.1	6.3	13.9	
43	203	Lê Thái Thanh	17/07/91	2		6.3	6.8	13.6	
44	260	Nguyễn Ngọc Anh Thảo	22/03/75	2		6.6	8.0	15.1	
45	246	Vương Thị Ngọc Thảo	27/08/74	2		5.7	5.3	11.5	
46	250	Nguyễn Thị Thìn	02/01/89	2NT		5.9	7.0	13.9	
47	206	Trần Thị Thu	10/02/91	1		5.3	8.5	15.3	
48	248	Nguyễn Thị Thanh Thủy	26/07/87	2NT		5.9	6.5	13.4	
49	254	Nguyễn Thị Uyên Thy	28/12/90	2		6.0	5.8	12.3	
50	196	Bùi Thị Trâm	08/10/81	1		6.3	6.5	14.3	
51	190	Võ Thị Thùy Trang	12/12/92	2NT		6.7	9.0	16.7	
52	241	Lê Thị Minh Trang	01/05/74	2		6.6	7.6	14.7	
53	256	Nguyễn Thanh Trúc	25/02/90	2		6.4	6.7	13.6	
54	327	Phạm Kim Tuyền	20/10/71	1		6.2	8.3	16.0	
55	207	La Nữ ánh Tuyết	04/06/86	2NT		6.9	8.0	15.9	
56	204	Nguyễn Thị Vui	05/03/88	2NT		6.1	7.0	14.1	
57	239	Nguyễn Thị Hồng Xiêm	15/10/85	2NT		6.5	8.3	15.8	
58	189	Trần Thị Hải Yến	10/10/79	1	4	5.1	7.0	15.6	
NGÀNH: DƯỢC									
1	62	Nguyễn Thị Lan Anh	21/02/95	2NT		5.8	7.5	14.3	
2	229	Đỗ Quỳnh Anh	06/10/96	1		7.0	5.5	14.0	
3	5	Trần Thị Hoàng Anh	03/05/85	2		5.6	7.7	13.8	
4	119	Trần Thị Thu Ba	17/11/89	1		6.3	7.2	15.0	
5	79	Trần Thị Ngọc Bích	31/12/76	2NT		6.5	9.0	16.5	
6	312	Cao Mộng Cầm	19/11/88	2		6.9	7.8	15.2	
7	313	Ngô Thị Châm	12/05/79	2NT		6.7	8.1	15.8	
8	231	Võ Thị Hạnh Chi	11/06/92	2NT		8.4	7.4	16.8	
9	121	Nguyễn Thị Chín	22/01/89	2NT		7.0	7.3	15.3	

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
10	38	Huỳnh Hồng Đan	19/03/76	2		6.7	8.4	15.6	
11	147	Phạm Thị Ngọc Diễm	17/10/96	2NT		6.6	6.5	14.1	
12	107	Trần Thị Diễm	26/09/93	2NT		5.7	7.3	14.0	
13	23	Nguyễn Thanh Điền	12/08/92	2	7	7.5	9.3	18.3	
14	143	Nguyễn Thị Ngọc Diệp	29/03/85	2NT		5.2	7.5	13.7	
15	78	Nguyễn Thị Hồng Gấm	20/11/83	2NT	7	7.1	8.3	17.4	
16	317	Lưu Hồng Gấm	29/09/88	2		7.5	7.8	15.8	
17	97	Lý Ngọc Giàu	13/05/87	2		6.6	7.3	14.4	
18	7	Huỳnh Phạm Ngân Hà	28/07/88	2		8.3	8.0	16.8	
19	135	Nguyễn Thị Ngọc Hà	14/01/84	2NT		6.3	8.0	15.3	
20	233	Trịnh Thị Minh Hà	22/11/82	1		6.6	6.3	14.4	
21	51	Lê Thị Minh Hải	19/05/91	2NT		7.3	7.0	15.3	
22	232	Nguyễn Thị Thúy Hằng	05/06/82	2NT		7.1	8.7	16.8	
23	35	Lê Thị Thúy Hằng	01/09/89	2NT		6.1	7.7	14.8	
24	91	Bùi Thị Hằng	10/06/86	2NT		5.7	7.8	14.5	
25	87	Hoàng Thị Diệu Hằng	20/10/89	3		6.2	8.0	14.2	
26	220	Đinh Thị Hằng	26/06/94	1		5.9	6.8	14.2	
27	304	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	10/10/84	2NT	6	5.5	7.5	15.0	
28	20	Nguyễn Ngọc Hạnh	01/03/86	3		6.4	8.2	14.6	
29	307	Nguyễn Thị Hạnh	1988	2NT		6.7	6.3	14.0	
30	22	Phi Thị Hạnh	17/01/74	2		5.6	7.7	13.8	
31	225	Dương Thị Hậu	10/02/95	1		6.5	7.7	15.7	
32	86	Lương Thị Ngọc Hiền	27/03/87	2NT		7.5	8.2	16.7	
33	103	Huỳnh Đức Hiền	02/01/92	2NT		6.8	8.5	16.3	
34	226	Nguyễn Trương Lương Kim Hiền	31/08/81	3		7.3	8.8	16.1	
35	19	Vũ Thu Hiền	05/09/94	2NT		6.2	8.5	15.7	
36	17	Lương Thị Kim Hiền	17/07/91	2		6.6	8.3	15.4	
37	136	Nguyễn Thị Hiền	1990	1		6.5	7.3	15.3	
38	59	Đặng Ngọc Hiền	21/05/92	3		7.1	7.0	14.1	
39	295	Trịnh Thị Thu Hiền	06/08/76	2		5.7	7.7	13.9	
40	30	Võ Nguyễn Ngọc Hiếu	16/10/85	2NT		5.6	8.0	14.6	
41	126	Trần Thị Hoa	10/05/86	1		5.9	7.4	14.8	
42	141	Kim Mai Hoa	10/10/79	2NT		6.0	7.0	14.0	
43	318	Lê Xuân Hùng	22/05/93	2NT		6.4	6.8	14.2	
44	301	Nguyễn Thanh Hưng	07/09/92	2NT		7.1	7.5	15.6	
45	42	Bùi Thị Ngọc Hương	26/05/81	2	6	6.5	8.2	16.2	
46	72	Thái Thị Thu Hương	11/07/90	2	6	6.6	6.8	14.9	
47	46	Nguyễn Thị Trúc Hương	14/02/89	2		6.3	8.0	14.8	

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
48	74	Phạm Thị Hương	21/10/86	2NT	7	5.3	7.3	14.6	
49	41	Nguyễn Thị Bích Huyền	30/06/93	2		7.8	9.7	18.0	
50	47	Phạm Thị Huyền	09/01/88	2NT	7	7.0	7.8	16.8	
51	80	Võ Quốc Khánh	28/05/92	2NT	5	6.5	8.0	16.5	
52	85	Trần Đăng Khoa	04/12/94	2		5.3	8.5	14.3	
53	6	Trần Thị Ngọc Khương	20/04/84	2NT		6.8	7.8	15.6	
54	10	Tô Thị Kiều	31/05/85	2		7.0	7.0	14.5	
55	224	Phạm Hoàng Kim	19/06/93	3		5.9	7.8	13.7	
56	15	Tôn Thanh Lâm	06/06/89	2NT		6.8	8.0	15.8	
57	65	Nguyễn Thị Kim Lan	10/04/85	2		5.5	8.5	14.5	
58	219	Lê Thị Lê	25/11/94	2NT		7.1	8.8	16.9	
59	115	Lê Thị Bạch Liên	16/08/85	2NT		5.7	8.8	15.5	
60	311	Nguyễn Thị Phương Linh	28/01/87	2		7.6	8.2	16.3	
61	39	Đặng Thị Mỹ Linh	17/06/91	2NT		5.9	7.2	14.1	
62	26	Trần Thị Thúy Loan	14/05/88	2NT	7	6.8	7.5	16.3	
63	118	Nguyễn Thị Bích Loan	17/02/84	2NT		6.4	8.0	15.4	
64	308	Nguyễn Thị Lương	17/03/91	2NT		6.3	9.0	16.3	
65	75	Bùi Thị Tuyết Mai	01/05/87	2	7	6.0	7.2	14.7	
66	29	Phạm Minh Mẫn	31/08/82	2NT		5.8	8.0	14.8	
67	139	Ngô Thị Tuyết Minh	04/01/89	2		7.2	7.5	15.2	
68	130	Nguyễn Thị Mơ	28/05/95	2NT		6.5	6.8	14.3	
69	34	Nguyễn Thị Triều My	24/05/84	2		6.7	7.5	14.7	
70	67	Lưu Kim Mỹ	18/05/73	2		7.2	6.9	14.6	
71	24	Vũ Thị Mỹ	22/02/91	2		6.0	8.0	14.5	
72	2	Nguyễn Thị Thu Ngân	09/02/93	2NT		6.6	9.3	16.9	
73	315	Trần Thị Kim Ngân	16/06/88	2		6.8	8.5	15.8	
74	9	Nguyễn Thị Tổ Ngân	08/07/95	1		7.5	6.5	15.5	
75	96	Nguyễn Thị Yến Ngọc	29/12/82	2		7.7	9.7	17.9	
76	64	Trần Thị Mỹ Ngọc	08/01/82	2		6.9	8.5	15.9	
77	223	Đặng Thị Thảo Nguyên	02/01/88	2NT		7.5	7.7	16.2	
78	21	Phạm Thanh Nguyên	22/04/85	2NT		5.6	7.9	14.5	
79	305	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	11/03/90	2		7.8	9.0	17.3	
80	76	Vũ Thị Nhung	15/04/90	2NT	7	7.0	8.5	17.5	
81	302	Nguyễn Thị Nhung	1985	2NT		6.8	7.0	14.8	
82	105	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	19/04/94	2NT		6.2	7.0	14.2	
83	99	Hồ Thị Kim Nụ	20/11/86	2NT		5.9	7.8	14.7	
84	44	Bùi Thị Ngọc Nữ	25/02/89	2NT		5.5	8.0	14.5	
85	90	Nguyễn Thị Thảo Ny	15/11/91	2NT		6.5	6.5	14.0	

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
86	110	Lê Thị Hoàng Oanh	03/08/90	2		6.9	8.0	15.4	
87	132	Nguyễn Tấn Phát	19/05/93	2NT		6.1	8.2	15.3	
88	27	Nguyễn Thị Phụng	27/08/90	2NT		6.1	8.3	15.4	
89	40	Cao Ngọc Phương	14/11/91	2NT		5.6	9.3	15.9	
90	36	Đàm Hoài Phương	10/10/90	2NT		6.7	7.5	15.2	
91	88	Trương Thị Trúc Phương	09/02/96	1		6.7	6.2	14.4	
92	100	Tần Thị Phương	20/07/85	1		5.8	6.5	13.8	
93	296	Trần Đan Phi Phượng	01/11/87	1		6.7	8.8	17.0	
94	137	Nguyễn Thị Thúy Phượng	09/03/86	2		8.1	7.0	15.6	
95	52	Nguyễn Minh Quang	05/05/88	2NT	7	7.4	8.0	17.4	
96	228	Nguyễn Thị Quế	17/12/86	3		6.2	8.4	14.6	
97	60	Nguyễn Tổ Quỳnh	20/08/86	2NT		6.0	7.0	14.0	
98	218	Mai Văn Ru	1985	1		5.7	8.8	16.0	
99	3	Phan Công Thái	07/07/87	2NT		5.3	8.1	14.4	
100	320	Nguyễn Hồng Thắm	10/11/94	2NT		6.5	9.0	16.5	
101	84	Huỳnh Thu Thảo	01/08/86	2		6.6	7.7	14.8	
102	217	Nguyễn Thị Thảo	13/02/79	2		5.8	7.9	14.2	
103	108	Nguyễn Thị Thịnh	05/07/77	2NT		6.1	8.0	15.1	
104	309	Hồ Thị Thơm	15/10/91	1		7.0	8.0	16.5	
105	61	Trần Thị Mộng Thu	07/03/83	2NT		7.5	8.6	17.1	
106	298	Võ Hồng Thu	06/07/87	2		6.5	8.0	15.0	
107	140	Trần Dự Thư	04/04/79	2NT		7.0	6.8	14.8	
108	234	Nguyễn Anh Thư	07/08/90	2NT		6.3	7.2	14.5	
109	213	Nguyễn Thị Thúy	10/04/83	2NT		5.8	8.5	15.3	
110	133	Nguyễn Thị Thùy	02/09/92	2NT		7.2	7.2	15.4	
111	138	Bùi Nguyễn Thanh Thủy	07/09/93	3	7	6.8	9.0	16.8	
112	112	Lê Thị Như Thủy	25/12/78	1		7.0	8.0	16.5	
113	113	Võ Thị Thủy	13/03/88	2NT		5.9	9.0	15.9	
114	299	Cái Thị Phương Thủy	16/07/81	2NT		6.3	8.0	15.3	
115	142	Ngô Thị Kiên Tiên	06/12/94	2NT		6.9	8.5	16.4	
116	98	Trần Viết Tính	19/01/82	2NT		5.1	8.0	14.1	
117	92	Huỳnh Thị Minh Toàn	06/09/90	1		5.8	7.5	14.8	
118	134	Trương Nguyễn Quỳnh Trâm	30/09/93	2NT		6.5	8.3	15.8	
119	120	Lại Thùy Mai Trâm	03/11/90	2		6.2	8.5	15.2	
120	125	Trần Thị Bích Trâm	05/08/91	2NT		5.7	7.3	14.0	
121	314	Phạm Ngọc Trân	09/02/93	2NT		6.2	7.8	15.0	
122	53	Trần Thị Bích Trang	03/04/88	2NT	6	7.7	7.8	17.5	
123	25	Phạm Ngọc Phương Trang	20/12/89	2NT	7	6.6	7.3	15.9	

STT	Mã HS	Họ tên	Ngày sinh	KV	ĐT	TB 12	TB TNTC	Tổng	Ghi chú
124	117	Trần Thị Thu Trang	01/04/89	2NT		6.6	8.2	15.8	
125	128	Nguyễn Thị Thu Trang	20/08/95	2NT		6.7	7.7	15.4	
126	116	Nguyễn Ngọc Trinh	27/02/96	2NT		6.5	8.5	16.0	
127	106	Nguyễn Thị Mộng Trinh	12/08/93	2NT		6.1	7.7	14.8	
128	55	Phùng Thị Thanh Trúc	19/09/83	2	7	5.9	7.5	14.9	
129	146	Ninh Việt Trung	06/09/92	2		6.4	9.0	15.9	
130	101	Võ Quang Trung	19/03/83	1		6.1	6.8	14.4	
131	129	Nguyễn Thành Trung	16/07/86	2NT		6.0	6.7	13.7	
132	131	Trần Ngọc Tú	19/05/84	1		6.7	8.2	16.4	
133	12	Nguyễn Huỳnh ánh Tú	11/04/95	2NT		6.3	8.3	15.6	
134	71	Phan Thị Tú	25/04/90	1		6.4	6.7	14.6	
135	127	Nguyễn Văn Tuấn	18/04/95	2NT		5.9	9.2	16.1	
136	306	Lương Thị Tuấn	30/05/80	1		5.7	8.5	15.7	
137	57	Đỗ Văn Tùng	20/09/80	2NT		7.9	8.2	17.1	
138	11	Hoàng Việt Tường	19/05/87	2NT		6.4	8.2	15.6	
139	215	Trần Thanh Anh Tuyền	08/01/89	1		7.7	8.0	17.2	
140	83	Vương Thị Ngọc Tuyền	04/01/75	2		6.6	8.4	15.5	
141	227	Phạm Thị Trúc Uyên	20/01/94	2NT		6.9	9.7	17.6	
142	58	Nguyễn Thị Thu Vân	27/08/93	2		6.8	8.8	16.1	
143	45	Nguyễn Thị Vân	02/08/87	2NT		6.4	8.3	15.7	
144	70	Trần Thị Thu Vân	14/12/85	2NT		6.2	8.0	15.2	
145	93	Nguyễn Thị Hồng Vân	22/10/92	3		6.6	8.2	14.8	
146	73	Nguyễn Thu Vân	10/03/90	2		5.0	8.3	13.8	
147	321	Bùi Thị Thúy Vy	28/01/94	2		7.2	8.7	16.4	
148	37	Cao Nguyên Vỹ	05/05/89	3		6.4	8.3	14.7	
149	102	Lê Thị Thanh Xuân	11/11/88	2NT		6.9	9.2	17.1	
150	109	Bùi Thị Xuân	15/10/84	1		6.4	7.2	15.1	
151	8	Lâm Thị Kim Xuyến	27/06/89	2NT		6.1	8.0	15.1	

THỐNG KÊ	
Ngành Điều dưỡng	76
Ngành Hộ sinh	58
Ngành Dược	151